

ETHNIC POLICY IN THE INNOVATION PERIOD: ACHIEVEMENTS AND SOME ISSUES TO IMPLEMENT

Le Thanh Binh^a; Nguyen Anh Son^b
Pham Thi Kim Cuong^c; Nguyen Thi Nhien^d

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: ^abinhlt@hvd.edu.vn; ^bsonna@hvd.edu.vn; ^ccuongptk@hvd.edu.vn; ^dnhiennt@hvd.edu.vn

Received: 15/5/2023; Reviewed: 06/6/2023; Revised: 11/6/2023; Accepted: 15/6/2023; Released: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/177>

Since the implementation of the country's renovation until now, along with the general development of the whole country, ethnic minority and mountainous areas have achieved very important achievements in all areas such as: poverty alleviation, economic growth, education, culture, health care, social security, foreign affairs... This achievement is due to the correct and appropriate guidelines and policies of the Party and State for ethnic minority and mountainous area.

Keywords: *Ethnic policy; The innovation of the country; Achievements acquired; Some implementation issues; Ethnic minority and mountainous area.*

1. Đặt vấn đề

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) nước ta có địa bàn rộng lớn, chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích tự nhiên của cả nước và là nơi sinh sống của phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS). Đây là khu vực có vị trí đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái của cả nước; đồng thời, là cửa ngõ giao lưu với các nước láng giềng và khu vực. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách quan tâm, ưu tiên, đầu tư phát triển toàn diện đối với vùng DTTS&MN. Theo đó, hệ thống chính sách dân tộc được ban hành khá đầy đủ, bao phủ toàn diện các lĩnh vực, nhằm hỗ trợ đồng bào các DTTS phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; phát triển giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Vì vậy, cùng với sự phát triển chung của cả nước, diện mạo vùng đồng bào DTTS&MN đã có nhiều thay đổi, khởi sắc trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, yếu kém nhất định như: Kinh tế phát triển còn chậm, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao, đời sống của đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn... Những hạn chế, yếu kém này được xác định có nhiều nguyên nhân, đó là: Vùng DTTS&MN có địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, thêm vào đó là thiên tai tàn phá; chất lượng nguồn nhân lực thấp; chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động đồng bào nêu cao tinh thần vượt khó vươn lên làm giàu còn hạn chế...

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm qua, việc nghiên cứu về chính

sách đối với vùng đồng bào DTTS đã thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, trong đó có thể kể đến các công trình liên quan đến vấn đề này như sau:

- Triệu Thanh Phương (2014) với Luận văn thạc sĩ ngành luật: “*Thực hiện chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới ở Việt Nam - Qua thực tiễn tại tỉnh Lạng Sơn*”, Đại học Quốc gia Hà Nội, cho rằng: Trong giai đoạn hiện nay, đất nước ta đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh đòi hỏi chúng ta phải phát huy cao độ để phát triển. Do vậy, nhận thức đúng đắn về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới có tầm quan trọng rất lớn. Theo đó, nghiên cứu đã nêu rõ về việc thực hiện chính sách dân tộc ở Lạng Sơn trong những năm qua đã góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, hiện nay Lạng Sơn vẫn là một tỉnh nghèo nên đời sống của đồng bào các dân tộc vẫn còn nhiều khó khăn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp trong nhằm thực hiện chính dân đạt hiệu quả cao cho đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay.

- Đỗ Xuân Tuất (2016) với nghiên cứu “*Quá trình thực hiện chính sách dân tộc (CSDT) thời kỳ đổi mới*” đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị. Trong đó, tác giả đã khái quát về chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Theo đó, CSDT được xem là một chiến lược cơ bản và lâu dài của đất nước. Đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị. Bài viết khẳng định, việc thực hiện CSDT (là tạo thêm cơ sở, tiền đề, động lực để nhằm ổn định và phát triển bền vững đất nước. Vì vậy, cần tập trung phát triển thế mạnh ở vùng DTTS&MN; quan tâm

giải quyết đúng mức các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc. Đồng thời, tác giả cũng nêu rõ việc thực hiện chính sách ở vùng DTTS&MN phải chú ý những đặc điểm tự nhiên, lịch sử, xã hội, phong tục tập quán của từng vùng, từng dân tộc; tôn trọng lợi ích, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc, phù hợp với đối tượng. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và nội lực vươn lên của các địa phương vùng dân tộc và miền núi; phát huy tinh thần tự lực tự cường, đồng bào các dân tộc chính là chủ thể quyết định tổ chức thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay.

- Nguyễn Thị Thu Thanh (2021) với nghiên cứu, “*Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*” đăng trên Tạp chí Cộng sản cho rằng: Cho đến nay, hệ thống CSDT được ban hành khá đầy đủ, bao phủ toàn diện các lĩnh vực. Các chương trình đã đem lại những hiệu quả tích cực về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS nước ta. Nhờ vậy, vùng DTTS&MN đã có sự phát triển mạnh mẽ hơn, phong phú và đa dạng hơn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt so với trước thời kỳ đổi mới, trên tất cả các phương diện.

Tuy nhiên, so với sự phát triển của đất nước nói chung, vùng DTTS&MN vẫn là vùng chậm phát triển nhất. Điều đó cho thấy, việc hoạch định và thực hiện CSDT ở nước ta vẫn còn những khó khăn, bất cập. Các nguyên nhân khách quan và chủ quan là: Một số chính sách thiếu tính cụ thể, khả thi, chưa phù hợp với thực tiễn. Bộ máy tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu. Thực tế cho thấy, trình độ phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) giữa các dân tộc không đồng đều nhau. Trong đó, tác giả cũng nhận xét trong vùng đồng bào DTTS, nhiều người vẫn còn mang tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không muốn vươn lên để thoát nghèo...

Qua tổng quan các nghiên cứu trên đã cho thấy, việc nghiên cứu về chính sách đối với vùng DTTS&MN được đề cập ở nhiều lĩnh vực và góc độ khác nhau và bao trùm lên tất cả các lĩnh vực ở vùng DTTS&MN. Dù có nhiều nghiên cứu nhưng đến nay chưa có một công trình cụ thể nào về toàn diện và cụ thể về CSDT kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay. Vì vậy, các nghiên cứu trên đã gợi mở ra những vấn đề cho việc nghiên cứu tiếp theo về CSDT đối với vùng DTTS&MN.

3. Phương pháp nghiên cứu

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế là cơ sở lý luận chủ yếu của bài viết. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu từ các nguồn như: Báo cáo về phát triển kinh tế của các bộ, ngành, các tỉnh có đông đồng bào các DTTS sinh sống.

Những tài liệu trên được tổng hợp, phân tích, đối chiếu nhằm gia tăng tính khoa học, phân tích, lập

luận của bài viết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hệ thống chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới

Bước vào thời kỳ đổi mới, với việc quán triệt đường của Đảng, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân tộc, đồng thời, thực hiện nguyên tắc “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành thành nhiều chính sách bằng việc thông qua các chương trình, dự án nhằm ưu tiên phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS&MN như: Chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH và hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn và vùng sâu, vùng xa (Chương trình 135); Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015; Chương trình phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2025... Ngoài các chính sách chung còn có các chính sách về phát triển vùng như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ...

Từ những vấn đề trên có thể thấy, hệ thống CSDT trong thời kỳ đổi mới đã bao trùm toàn diện trên các lĩnh vực và phủ kín địa bàn vùng DTTS&MN, nhất là những chính sách liên quan đến xóa đói giảm nghèo, phát triển KT-XH. Trong đó, chính sách luôn được sửa đổi, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với sự phát triển chung của cả nước cũng như thực tiễn công tác dân tộc theo từng giai đoạn, từng vùng, miền, từng dân tộc.

4.2. Kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân

Nhờ có chính sách đúng đắn, phù hợp và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nên trong những năm qua vùng đồng bào DTTS&MN đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng như:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở vùng DTTS&MN hàng năm đạt khá cao khoảng 7%/năm, hơn bình quân của cả nước (năm 2016 đạt 6,67%, năm 2017 đạt 6,89, năm 2018 đạt 7,56%), trong đó, năm 2018 có 21/52 tỉnh tăng trưởng GDP đạt trên 8%. Cùng với tăng trưởng, cơ cấu kinh tế ở vùng DTTS&M cũng có nhiều thay đổi theo hướng chuyên dịch tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ còn nông nghiệp cũng chuyển dần sang hướng sản xuất hàng hoá. Trong đó, nhiều địa phương đã áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật và phát huy tiềm năng, thế mạnh tập trung sản xuất hàng hoá thích ứng với cơ chế thị trường.

Thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, công tác giảm nghèo ở vùng DTTS&MN đã đạt được kết quả quan trọng.

Theo đó, bình quân hàng năm tỷ lệ giảm nghèo ở vùng DTTS&MN đạt được 4%/năm; riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm trên 4%; các huyện nghèo giảm 5-6%/năm. Giai đoạn 2015-2019 đã có 8/64 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a thoát nghèo; có 124/2.139 xã và 1.322/20.176 thôn, bản đặc biệt khó khăn ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135. Một số tỉnh có đồng bào DTTS đạt tỷ lệ giảm nghèo cao như: Tuyên Quang là: 5,69%; Lào Cai: 5,17%; Yên Bái: 7,66%; Thanh Hoá: 6,31%; Quảng Bình: 5,58%; Quảng Nam: 6,7%; Gia Lai: 6,25%; Đắk Lắk: 6,51%; Sóc Trăng: 4,5%...

Cùng với phát triển kinh tế và giảm nghèo bền vững, chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở vùng DTTS&MN đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, đã có 1.052/5.266 xã (chiếm 22,29% của vùng DT&MN) đạt chuẩn nông thôn mới; có 27 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, có một số tỉnh thực hiện tốt chương trình này như: Hà Giang, Bắc Kạn, Điện Biên, Kon Tum...

Kết cấu hạ tầng từng bước được hoàn thiện, gắn với sự phát triển KT-XH của vùng DTTS&MN. Vì vậy, đến nay, đã có 100% huyện có đường ô tô được rải nhựa hoặc bê tông hoá đến trung tâm huyện; có 98,4% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Đồng thời, thực hiện Đề án Xây dựng cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông vùng DTTS&MN, từ năm 2015 đến nay đã khởi công xây dựng được 2.330 cầu, giải quyết vấn đề đi lại cho đồng bào, nhất là trong mùa mưa, lũ. Bên cạnh đó, đến nay đã có 100% số xã và 97,2% thôn, bản có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện đạt 93,9%; 100% xã có trường tiểu học và trung học cơ sở; 99,7% xã có trường mầm non; 99,3% xã có trạm tế; 65,5% xã và 76,7% thôn, bản có nhà văn hoá hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng.

Trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực người DTTS đã có nhiều tiến bộ, chất lượng và hiệu quả ngày càng được nâng cao. Theo đó, quy mô mạng lưới trường lớp ở vùng DTTS&MN được củng cố phát triển từ mầm non, các cấp phổ thông đến đại học cao đẳng. Hiện nay, toàn vùng DTTS&MN có 5.766 trường mầm non. Đến nay, đã có 100% các tỉnh vùng DTTS&MN đều được công nhận đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, có 100% các tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong đó, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học đạt 99,35%, trung học cơ sở đạt 92,27%, trung học phổ thông đạt 63,03%.

Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú được đầu tư xây dựng mạnh mẽ ở các tỉnh vùng DTTS&MN, Đến nay, cả nước có 316 trường phổ thông dân tộc nội trú ở 39 tỉnh, trong đó có 40% số trường đạt chuẩn quốc gia; trường phổ thông dân tộc bán trú có 1097 trường ở 28 tỉnh, trong đó có 15,2% trường đạt chuẩn quốc gia. Hiện nay cả nước có 4 trường dự bị đại học, hàng năm, đào tạo được

khoảng 5000 học sinh. Từ năm học 2009-2010 đến năm học 2018-2019 đã đào tạo được 34.253 học sinh, tạo nguồn sinh viên DTTS cho các địa phương có KT-XH đặc biệt khó khăn... Công tác xóa mù chữ, tái mù chữ cho đồng bào các DTTS cũng đạt được kết quả tích cực, trong đó, tỷ lệ người từ 15-60 biết chữ đạt 93,44% (cả nước là 97,65%).

Bên cạnh đó, giai đoạn 2016-2020 đã có trên 8.000 nghìn người DTTS được đào tạo nghề ở các cấp trình độ, trong đó, có 412 nghìn người ở nông thôn được hỗ trợ đào tạo nghề. Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2019 có trên 4.620 lượt lao động ở các huyện nghèo được hỗ trợ đi lao động ở nước ngoài.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các DTTS đạt được những kết quả nhất định, đời sống về văn hoá của đồng bào đã có bước phát triển, cải thiện rõ rệt; các thiết chế văn hoá được tăng cường; các hoạt động văn hoá, giao lưu được tổ chức hàng năm. Từ năm 2016 đến nay đã có 4 dịch tích quốc gia đặc biệt, 8 di tích lịch sử - văn hoá liên quan đến đồng bào DTTS được xếp hạng. Một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan dần được loại bỏ; đến nay đã có 6.829 xã, chiếm 76,5% số xã đạt tiêu chí văn hoá.

Chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình và chương trình đưa thông tin về cơ sở được quan tâm thực hiện. Hiện nay đã có 67 đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương đã phủ sóng đến vùng DT&MN, trong đó, có phát sóng 22 thứ tiếng của đồng bào các dân tộc. Ngoài ra, còn có hơn 100 tờ báo giấy thông qua hơn 16.000 điểm bưu điện văn hoá xã và trên 200 trang thông tin điện tử đưa tin phổ biến, tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến vùng DTTS&MN.

Trên lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ cho người dân cũng được quan tâm, đầu tư nên mạng lưới y tế ngày càng hoàn thiện. Đến nay đã có 98,4% số xã có trạm y tế, trong đó có 90% xã có bác sỹ; 76% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011- 2020; có 96% thôn, bản có nhân viên y tế. Bên cạnh đó, hiện nay có 6,6 triệu người được cấp thẻ bảo hiểm y tế, chiếm 93,51% nên đồng bào đã có điều kiện tiếp cận với dịch vụ y tế các cấp. Ngoài ra, tỷ lệ tảo hôn đã giảm 4,7%; hôn nhân cận huyết giảm được 0,9%”...

Công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng DT&MN luôn được quan tâm, đội ngũ cán bộ người DTTS ngày càng được tăng lên về số lượng, nâng lên về chất lượng. Tính đến năm 2021, “Số lượng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ là 3.952.225 người... Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã đạt được mục tiêu tỷ lệ đề ra theo Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt có tỉnh có tỷ lệ người DTTS chiếm từ 10% đến trên 70% tổng dân số của tỉnh theo đúng hoặc vượt mức tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS chiếm từ 5%, 10%, 15%, 20% tổng số biên chế được giao”.

Công tác quốc phòng, an ninh luôn được củng cố và tăng cường, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với lực lượng quân đội (chủ yếu là Bộ đội Biên phòng) và công an lâm nông cốt. Vì vậy, “Đã chủ động phát hiện làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của kẻ thù và giải quyết kịp thời các vụ việc, không để xảy ra các “điểm nóng” về an ninh, trật tự trên địa bàn vùng DT&MN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, đó là: “Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách đối với vùng đồng bào DTTS ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung chưa đạt được như mong muốn. Số với mặt bằng chung của cả nước, đời sống của đồng bào DTTS vẫn thuộc diện khó khăn nhất. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo còn cao; khoảng cách so với vùng phát triển có xu hướng gia tăng; khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội còn thấp; tình trạng di cư tự phát chưa được giải quyết hiệu quả; cán bộ, công chức, viên chức người DTTS nhiều nơi chưa đạt tỷ lệ theo quy định; hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan ở một số nơi chậm được khắc phục; vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự”.

Những hạn chế, yếu kém trên được xác định có nhiều nguyên nhân cả về khách quan và chủ quan như: Vùng DTTS&MN có địa bàn rộng, địa hình bị chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, hàng năm lại chịu ảnh hưởng của thiên tai như sạt lở, lũ ống, lũ quét... Trình độ dân trí ở vùng DTTS chưa phát triển nên trong quá trình sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm và điều kiện tự nhiên; các nguồn lực cho các chương trình, dự án còn thiếu tập trung; hiệu quả sử dụng lao động chưa cao, cơ cấu lao động chậm đổi mới, chất lượng lao động còn thấp, thiếu lao động kỹ thuật, nhất là lao động có trình độ tay nghề cao. Bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa chủ động nghiên cứu, phân tích kỹ những biến động, xuất hiện mới trong vùng đồng bào DTTS. Việc phối kết hợp trong quá trình tổ chức thực hiện các CSDT giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất.

Bên cạnh đó, công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện chính sách ở nhiều địa phương còn chậm. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách chưa được thường xuyên. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở nhiều địa phương còn thiếu về số lượng, yếu về quản lý, điều hành. Việc lợi dụng các CSDT để trục lợi hay làm sai trái, không đúng đối tượng của cán bộ vẫn diễn ra ở một số địa phương, thậm chí có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn, dẫn đến tình trạng xói mòn lòng tin và làm bất bình trong đồng bào, gây dư luận xấu trong xã hội. Ngoài ra, các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc luôn tìm cách kích động, chống phá nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc gây ra những “điểm nóng” làm mất an ninh, trật tự ở những vùng DTTS khó kiểm soát.

5. Thảo luận

Bước vào những năm đầu của thập niên 20, bối cảnh quốc tế có nhiều biến động, tạo ra những cơ hội thuận lợi cùng nhiều thách thức đan xen, tác động không nhỏ đến sự phát triển của cách mạng nước ta. Vì vậy, để phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những khó khăn, thách thức, tạo bước bứt phá trong việc thực hiện CSDT trong thời kỳ mới, cần thực hiện tốt, đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức nhằm tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện CSDT cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị. Đồng thời, các cấp, các ngành cần phải có chương trình hành động cụ thể về công tác dân tộc, phải coi đó là nhiệm vụ chính trị thường xuyên cần thực hiện. Theo đó, cần “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đồng bào DTTS”.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở. Bởi công tác dân tộc có tính đặc thù và liên quan đến nhiều lĩnh vực như: kinh tế, giáo dục-đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... Đồng thời, Trung ương Đảng, Quốc hội cũng như các cơ quan có thẩm quyền sớm thông qua và ban hành Luật hỗ trợ phát triển đối với vùng DTTS&MN để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và tổ chức thực hiện CSDT.

Ba là, quán triệt, phổ biến kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; tiến hành thường xuyên và định kỳ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các cấp ủy đảng, các cá nhân đứng đầu cấp ủy trong quá trình thực hiện CSDT để phát hiện kịp thời và có biện pháp xử lý những sai phạm gây bất bình trong đồng bào và dư luận xã hội. Cần đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

Bốn là, các cấp ủy đảng ở các địa phương cần chủ động nắm bắt, nghiên cứu, phân tích kỹ tình hình những biến động, xuất hiện mới ở vùng DTTS. Theo đó, có thể ban hành Nghị quyết, Chỉ thị chuyên đề để có những chỉ đạo kịp thời đối với các cấp, các ngành trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án đạt kết quả tốt. Đồng thời, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường hấp dẫn thu hút các nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án ở vùng DTTS&MN.

Năm là, phát huy mạnh mẽ tiềm năng thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương; động viên, khuyến khích đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên thoát

nghèo, làm giàu hợp pháp, nhanh chóng hội nhập với sự phát triển chung của cả nước. Bên cạnh đó, cần tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trên thế giới theo các kênh đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm trao đổi kinh nghiệm, thu hút các nguồn lực đầu tư, khoa học-kỹ thuật cho các chương trình, dự án phát triển KT-XH ở vùng DTTS&MN.

6. Kết luận

Có thể thấy, với hệ thống CSĐT phù hợp nên kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đến nay, cùng với sự phát triển chung của cả nước, vùng DTTS&MN đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, làm cho

diện mạo vùng DTTS&MN đã có nhiều thay đổi, khởi sắc. Thành tựu đạt được đó đã làm cho đồng bào các dân tộc càng tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất ngày càng vững mạnh giữa các dân tộc. Đây là minh chứng khẳng định cho nguyên tắc nhất quán của Đảng là: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển. Vì vậy, trong các giai đoạn tiếp theo, toàn hệ thống chính trị cần thực hiện tốt các vấn đề trên góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chung xây dựng đất nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong bối cảnh đầy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị. (2019). *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về Công tác dân tộc trong tình hình mới*. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Phuong, T. T. (2014). *Thực hiện chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới ở Việt Nam - Qua thực tiễn tại tỉnh Lạng Sơn*. Luận văn thạc sỹ ngành Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thanh, N. T. T. (2021). Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới. *Tạp chí Cộng sản*.

Tuất, Đ. X. (2016). Quá trình thực hiện chính sách dân tộc thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Lý luận Chính trị*.

Ủy ban Dân tộc. (2021). *Tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*. Báo cáo số 732/BC-UBDT ngày 10/6/2021.

Ủy ban Dân tộc. (2022). *Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc*. Báo cáo số 855/BC-UBDT ngày 03/6/2022.

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI: THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN THỰC HIỆN

Lê Thanh Bình^a; Nguyễn Anh Sơn^b
Phạm Thị Kim Cương^c; Nguyễn Thị Nhiên^d

Học viện Dân tộc

Email: ^a binhlt@hvd.edu.vn; ^b sonna@hvd.edu.vn; ^c cuongptk@hvd.edu.vn; ^d nhiennt@hvd.edu.vn

Nhận bài: 15/5/2023; Phản biện: 06/6/2023; Tác giả sửa: 11/6/2023; Duyệt đăng: 15/6/2023; Phát hành: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/177>

Kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đến nay, cùng với sự phát triển chung của cả nước, vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng trên tất cả các lĩnh vực như: xóa đói giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế, an sinh xã hội, đối ngoại... Thành tựu đạt được đó chính là nhờ có chủ trương, chính sách, đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Từ khóa: Chính sách dân tộc; Công cuộc đổi mới đất nước; Thành tựu đạt được; Một số vấn đề thực hiện; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.